

GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN DỰA TRÊN PHÂN TÍCH Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG TƯƠNG ĐỒNG TRONG TỪ NGỮ CHỈ MÀU SẮC CỦA TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Vũ Thị Hồng

Khoa Xã hội, Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang

Tóm tắt: Màu sắc không chỉ tô điểm cho thế giới của chúng ta về đẹp mà còn có vai trò quan trọng như một phương tiện giao tiếp. Các phẩm chất giao tiếp của màu sắc được định nghĩa theo sự liên tưởng với thiên nhiên và tâm lý. Thông qua sự tìm hiểu biểu tượng màu sắc từ khía cạnh triết học, thần thoại, lịch sử và văn hóa cũng như việc phân tích tính tương đồng về ý nghĩa biểu trưng của từ ngữ chỉ màu sắc trong thành ngữ tiếng Anh và từ ngữ chỉ màu sắc trong thành ngữ tiếng Việt, bài viết này đề xuất một số cách tiếp cận để giảng dạy cho sinh viên cách sử dụng các thuật ngữ màu sắc trong các tình huống khác nhau nhằm phát huy hiệu quả của việc học ngoại ngữ.

Từ khóa: Nghĩa của màu sắc, tiếng Anh và màu sắc, ngôn ngữ và màu sắc, ngữ nghĩa trong tiếng Anh.

TEACHING ENGLISH TO STUDENTS BASED ON ANALYZING EQUIVALENT SYMBOLISM MEANINGS OF COLOR TERMS BETWEEN ENGLISH AND VIETNAMESE

Vu Thi Hong

Faculty of Social Sciences, Kien Giang Teacher's Training College

Abstract: Color not only fills our world with beauty but provides a source of inspirations, which would be an important role in communication. The communicative qualities of a color can be defined in terms of natural and psychological associations. Through color symbolism from cultural, historical, mythical, philosophical associations as well as similarities of color terms between English and Vietnamese, this article shows some approaches for teaching students how to use color terms in various situations to effect in learning foreign languages.

Key words: Meaning of colors, English and colors, languages and colors, English semantic.

Nhận bài: 25/01/2025

Phản biện: 22/02/2025

Duyệt đăng: 27/02/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Màu sắc là nền tảng cơ bản của các biểu tượng thị giác và cũng là phương tiện của giao tiếp. Trong các nền văn minh cổ đại, màu sắc là một phần không thể thiếu của chất và của tất cả mọi thứ trong cuộc sống. Màu sắc cũng liên kết chặt chẽ với tinh thần và cảm xúc, đặc biệt là có thể ảnh hưởng sâu sắc đến con người. Bởi vì có rất nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới, cho nên việc giải thích về màu sắc có thể khác nhau và tính biểu tượng cũng thay đổi theo môi trường văn hóa. Bài viết trình bày nhận thức của con người về màu sắc, phân tích ý nghĩa của các màu sắc trong các nền văn hóa khác nhau. Những nét tương đồng gắn liền với việc sử dụng màu sắc trong ngôn ngữ

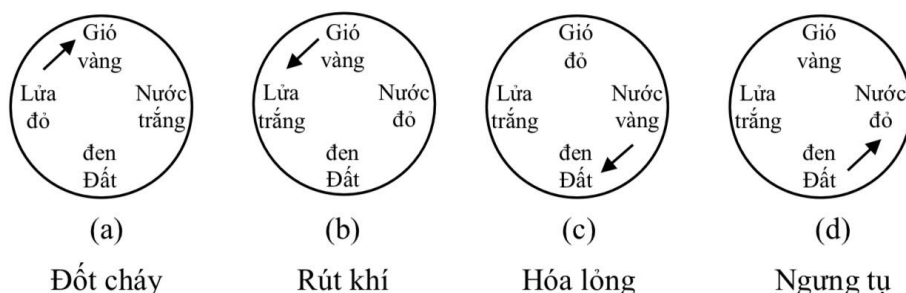
Anh – Việt cũng được trình bày từ đó đưa ra cách tiếp cận để giảng dạy sinh viên cách sử dụng các thuật ngữ màu sắc trong các tình huống cụ thể.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khía cạnh mang dấu ấn của màu sắc

2.1.1. Triết học

Từ xa xưa, các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại đã đưa ra một số quan niệm về lý thuyết màu sắc gắn liền với các yếu tố thiết yếu duy trì thế giới (đất, nước, gió, lửa) cũng như cách các lực lượng này vận hành trong thế giới với mỗi lực lượng điều khiển những cảm xúc cơ bản nhất định trong tâm trí con người. Các màu tương ứng với 04 yếu tố đất, nước, gió lửa là vàng, đen, đỏ, trắng theo từng giai đoạn khác nhau như trong hình 1 và hình 2 (Benson, 2000).

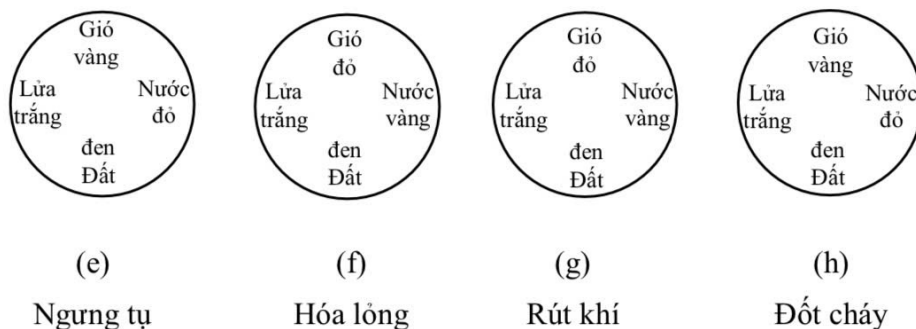


Hình 1. Mối tương quan giữa màu sắc và 04 yếu tố trên phương diện vĩ mô

Ở hình 1, lửa là nguyên tác sáng tạo trong (b), (c), (d) nên có màu trắng. Lửa được hiện thực hóa ở (a) nên có màu đỏ. Không khí nở ra ở (a), (b) nên có màu vàng và tăng cường độ ở (d) nên có màu vàng đậm hơn. Không khí đạt đến trạng thái bão hòa ở (d) nên có màu đỏ. Nước có màu kém bền nhất. Ở trạng thái (a), nước có màu trắng tức là giảm dần về mặt vật lý. Trong trạng thái (b) nước được giữ lại tính lỏng và do đó có màu đỏ nhưng nó cũng trở thành thể khí nên có xu hướng chuyển sang màu vàng và đạt đến sự chuyển động tối đa ở (c). Cuối cùng, nước có xu hướng bất động ở (d) nên có màu đỏ. Đất luôn ổn định đến mức nó vẫn là phần tối hơn trong mọi trạng thái,

tức là màu đen. Có thể nhận thấy rằng về nguyên tắc màu vàng là màu của sự phân tán, màu đen của sự tập trung, màu đỏ đại diện cho cường độ và tính bất động, màu trắng là màu của phi vật chất hoặc vật chất tối thiểu.

Vì tâm lý và tác động tinh thần, đạo đức của sự tương tác chỉ có thể được nhận ra bởi ý thức cá nhân. Do đó, chuỗi vận hành của 04 yếu tố trên phương diện vi mô có trật tự ngược lại: con người bắt đầu với đất (vật chất) khi sinh ra và cuối cùng vươn lên đến độ chín mùi về tinh thần, đạo đức như trong hình 2. Tất nhiên, mỗi một giai đoạn đều gắn liền với màu sắc tương ứng như nguyên tắc đã đưa ra.



Hình 2. Mối tương quan giữa màu sắc và 04 yếu tố trên phương diện vi mô

2.1.2. Truyền thuyết và thần thoại

Trong thế giới hiện đại, màu sắc được coi là hiện tượng thiên nhiên, có thể giải thích một cách dễ dàng bằng khoa học nhưng trong thế giới cổ đại, chúng là một sự bí ẩn. Do đó, con người ở thời kỳ ấy đã sử dụng kinh nghiệm và trí tưởng tượng của mình làm công cụ để tạo ra những câu chuyện thần thoại nhằm giải thích màu sắc. Thời kỳ xa xưa, con người nhận định các hiện tượng tự nhiên thông qua ý muốn và cảm giác của chính họ nên đã tạo ra một sợi dây nối kết vô hình giữa màu sắc và thần thoại. Vì thế, tuy xuất phát từ những nền văn hóa khác nhau nhưng những câu chuyện thần thoại lại mang hình bóng và âm hưởng của nhau. Thiên nhiên được tìm thấy trong các biểu tượng, người xưa tượng trưng mọi thứ nhằm hấp dẫn tâm trí của họ. Theo đó, tổ tiên loài người cố gắng liên kết các màu sắc với thần thánh, phương hướng, hành tinh. Việc liên kết giữa màu sắc và thần thoại hầu như rất phổ biến nhưng ý nghĩa lại gắn liền với sự thay đổi màu sắc từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác.

Về phương diện vũ trụ học, màu sắc cũng biểu trưng cho vũ trụ và làm trung gian cho thần linh. Chẳng hạn, màu sắc đóng vai trò quan trọng trong câu chuyện Navaho về sự sáng tạo của mặt trời.

Navaho đã tách một phần ánh sáng thành nhiều màu sắc. Dải màu trắng đại diện cho bình minh, màu xanh trắng là đã trải qua buổi sáng, màu xanh lam và vàng là hoàng hôn, màu đen là đại diện cho ban đêm (Alexander, 1953, tr.13)

2.1.3. Văn hóa

Thực tế cho thấy rằng, có rất nhiều màu trong thế giới tự nhiên, nhưng bài viết này chỉ tập trung vào 04 màu cơ bản: đỏ, xanh, trắng và đen vì các màu này có những tương đồng trong văn hóa và ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.

- Màu đỏ (red)

Màu đỏ được cho là màu đầu tiên được con người cảm nhận (Biedermann, 1994, tr.281). Trong thời tiền sử, Người Neanderthal rắc lên cơ thể người chết bằng sắc tố đỏ như một cách để phục hồi. Màu đỏ là màu "ấm" của máu và sự sống. Màu đỏ được liên kết với tình yêu và khả năng sinh sản. Ở La Mã cổ đại, các cô dâu được quấn trong tấm màn đỏ rực lửa; một phong tục vẫn còn ở các vùng của Hy Lạp và Armenia. Trên sân khấu Trung Quốc, các diễn viên tô mặt đỏ để cho thấy họ là những nhân vật trung thực và tử tế.

Màu đỏ là biểu tượng của cảnh báo, chiến tranh, hủy diệt, tình dục, tội lỗi và giết người. Trong thần thoại La Mã, màu đỏ được liên kết với thần chiến

tranh, sao Hỏa. Cờ đỏ được sử dụng bởi những người cách mạng xã hội chủ nghĩa. Màu đỏ cũng liên quan đến gái mại dâm được thành lập ở "khu đèn đỏ"

- Màu xanh (Green/Blue)

Màu xanh lá (green) đại diện cho sự thức tỉnh, sự khởi đầu và phát triển. Ở Trung Quốc nó liên quan đến mùa xuân. Ở Ai Cập cổ đại, màu xanh của thần Osiris tượng trưng cho sự phục sinh và bất tử (O'Connor và Airey, 2007, tr.38).

Màu xanh lá cũng đại diện cho sự nguy hiểm và cái chết. Có nhiều trường hợp màu xanh lá được liên kết với sức mạnh siêu phàm. Người Ai Cập cổ đại sợ mèo có đôi mắt xanh và áp dụng án tử hình tất cả những người có tội giết những sinh vật này. Ở châu Âu thời trung cổ, màu xanh lá được liên kết với ác quỷ và mặc nó được coi là điều không may mắn cho con người (Franklin, 2002). Một số nước cho rằng màu xanh lá bao hàm ý nghĩa của ghen tị. Theo quan niệm của người Trung Quốc, màu xanh lá thường được dùng làm biểu tượng của bệnh tật. Người Trung Quốc cũng sử dụng màu xanh lá như một dấu hiệu "mọc sùng", đặc biệt là khi kết hợp với mũ.

Màu xanh lam (blue) gợi lên không gian rộng rãi, thông thoáng. Thời Ai Cập cổ đại, các vị thần và vua thường được miêu tả với bộ râu và tóc giả màu xanh lam, thần thánh Hindu Krishna được miêu tả là màu xanh lam. Như một biểu tượng của hòa bình và tinh khiết, màu xanh lam là màu của Đức Trinh Nữ Maria. Về phương diện tôn giáo, màu xanh lam biểu tượng cho sự thật và sự vĩnh hằng của Chúa. Bùa xanh trong một số nền văn hóa được cho là có tác dụng hóa giải tà ác. Phong tục cổ xưa của người Anh cho rằng cô dâu mặc thứ gì đó màu xanh lam có nghĩa là đảm bảo độ trung thực (O'Connor và Airey, 2007, tr.38).

- Màu trắng (white)

Màu trắng có thể được định nghĩa là màu tuyệt đối của ánh sáng. Nó tượng trưng cho sự thật, sự tinh khiết, vô tội, thiêng liêng hay thần thánh. Trong nhiều nền văn hóa, quần áo màu trắng là lễ phục của linh mục, tượng trưng cho sự trong sạch, tinh khiết và chân lý. "Chim bồ câu trắng" bắt nguồn từ câu chuyện về Nô-ê là một biểu tượng của sự kết thúc trận lụt lớn (Fontana, 1994, tr. 72). "Con voi trắng" rất linh thiêng trong Phật giáo bởi vì Đức Phật được cho là đã vào bụng mẹ của Ngài trong hình thức này.

Ngoài ra, màu trắng có liên quan đến sự nhợt nhạt, không có máu, thiếu sức sống và cái chết. Ai

Cập cổ đại cho rằng màu trắng tượng trưng cho sa mạc không có sự sống. Ở một số nền văn hóa, linh hồn được cho là rời khỏi cơ thể trong hình dạng của một bướm trắng hoặc một con chim trắng. Các thiên thần Kitô giáo được miêu tả là mặc đồ trắng, trong khi các hồn ma được mô tả là phát ra ánh sáng trắng (Franklin, 2002).

- Màu đen (black)

Đối với người Ai Cập, màu đen của đất và của những đám mây mưa tượng trưng cho bóng tối, mẹ đẻ của nẩy mầm. Màu đen là màu của "tái sinh" và "phục sinh" (Fontana, 1994, tr. 72).

Màu đen cũng mang rất nhiều hàm ý tiêu cực, nỗi sợ hãi và những điều chưa biết. Cái chết và tang tóc được biểu trưng bằng màu đen ở phương Tây. Grim Reaper, hiện thân của cái chết, được che giấu hoàn toàn bằng áo choàng màu đen (Kenner, 2006, tr. 17). Đối với người Elizabeth, "cái chết đen" là một trong những bệnh dịch nguy hiểm nhất. Động vật màu đen được coi là không may mắn, chẳng hạn như quạ đen, chó đen, mèo đen và cừu đen. Màu đen biểu thị cảm giác tội lỗi và phớt lờ. Tuy nhiên, đối với văn hóa Trung Quốc, màu đen đại diện cho chính nghĩa, hình ảnh Bao công với khuôn mặt bị bôi đen là biểu tượng của một người cương trực, đầy nghĩa khí.

2.2. Sự tương đồng về ý nghĩa biểu trưng của từ ngữ chỉ màu sắc trong thành ngữ tiếng Anh và từ ngữ chỉ màu sắc trong thành ngữ tiếng Việt

- Màu trắng

Cả hai ngôn ngữ đều liên tưởng đến màu trắng-white để ám chỉ nghĩa không có gì hoặc hết nhẵn. Trong tiếng Việt "lo bò trắng răng", "hai bàn tay trắng" ... trong tiếng Anh "keep white elephant" (giữ vật không có giá trị), "white chip" (không có giá trị), ...

Màu trắng cũng có sự tương đồng về đối tượng so sánh giữa hai ngôn ngữ. Người Anh có thành ngữ chỉ mức độ trắng "as white as snow" (trắng như tuyết). Người Việt cũng có thành ngữ chỉ màu trắng ở mức độ cao "trắng như tuyết", "trắng như bông", "trắng như mây", ...

- Màu đen

Cả hai ngôn ngữ đều dùng từ đen-black để chỉ sự kín, không công khai, bất hợp pháp như "chợ đen" – "black market", "đồng tiền đen tối" – "black money". Và ngược lại để chỉ sự rõ ràng, cả hai ngôn ngữ đều có thành ngữ dùng màu ngược lại, màu trắng. Người Việt nói "giấy trắng mực đen" và người Anh thì nói "in black and white"

(trắng đen rõ ràng)

Ở hai ngôn ngữ đều có màu đen trong thành ngữ để chỉ sự đen tối khó khăn tưởng chừng không lối thoát “con đen vận tủng” trong tiếng Việt; “a black day” (ngày đầy bất hạnh) trong tiếng Anh.

Ngoài ra, màu đen còn có sự tương đồng trong so sánh giữa hai ngôn ngữ. Người Anh có thành ngữ chỉ mức độ đen “as black as coal” (đen như than). Người Việt cũng nói “đen như than”.

- Màu đỏ

Thử so sánh hai thành ngữ cùng nói về sự tức giận. Trong tiếng Anh “to see red” và trong tiếng Việt là “đỏ bừng mặt” hay “đỏ mặt tía tai”. Ở Anh, có người cho rằng thành ngữ này xuất xứ từ chuyện người đấu bò bên Tây Ban Nha vấy một mảnh vải đỏ trước một con bò để nó nổi giận và húc vào anh ta. Tuy nhiên, nhiều người khác thì lại cho rằng sở dĩ có thành ngữ này là vì khi người ta nổi giận, mặt họ trở nên đỏ bừng lên. Giả thiết thứ hai có thể hợp lý hơn.

Như vậy, cả tiếng Anh và tiếng Việt đều chú ý đến màu đỏ trong việc thể hiện trạng thái. Trong tiếng Việt có thành ngữ: đỏ con mắt, đỏ gay, đỏ mặt tía tai...; còn trong tiếng Anh, cũng có những từ tương ứng “see red” (bừng bừng nổi giận), “red-face” (đỏ mặt do bối rối), ...

Ngoài ra, để diễn tả tình trạng sức khỏe, tiếng Anh có “in the pink” (hồng hào), red-blooded (mạnh khỏe, cường tráng); trong tiếng Việt “hồng hào”, “đỏ da thâm thịt”, ...

- Màu xanh

Từ ý nghĩa ban đầu màu xanh diễn tả trái cây còn sống chưa chín. Trong thành ngữ của hai ngôn ngữ, màu biểu trưng cho tuổi trẻ.

Tiếng Việt: “đầu xanh tuổi trẻ”, “mái đầu xanh”; tiếng Anh: “in the green” (tuổi thanh xuân), “green years” (tuổi xuân, còn trẻ), “to be still green at one’s job” (mới làm việc còn bỡ ngỡ).

Màu xanh còn được dùng để chỉ được cho phép làm điều gì, hay là được bật đèn xanh, như chúng ta thấy trong thành ngữ “to get the green light”. Thành ngữ này xuất xứ từ màu xanh của các đèn giao thông xanh, đỏ trên đường phố.

Màu xanh cũng được cả hai ngôn ngữ dùng trong thành ngữ để diễn tả trạng thái và tình trạng sức khỏe của con người. Trong tiếng Việt, những màu sắc dùng trong thành ngữ để diễn tả trạng thái giận, sợ hãi của con người: “xanh mặt”, “mặt mày tái mét”, “xanh như chàm” ... Và trong tiếng Anh, để diễn đạt những ý nghĩa như thế cũng có những từ ngữ tương ứng: “blue in the face” (giận xanh

mặt), “be in a blue funk” (sợ xanh mặt xanh cổ), ...

Để diễn tả tình trạng sức khỏe, tiếng Anh có “green the round the gills” (trông có vẻ bệnh), baby blue (xanh tái) ...; trong tiếng Việt ta có “mặt mày xanh lét”, “xanh xao”, “xanh như tàu lá”, “đôi xanh xương” ...

Trong ngôn ngữ Việt, màu xanh được dùng để kết hợp với từ ngữ chỉ trang phục để biểu thị các tầng lớp người hầu trong xã hội cũ: “áo xanh” (nhưng hiện nay không còn dùng). Ở tiếng Anh “a blue-collar worker/job” dùng hình ảnh cổ áo màu xanh để chỉ tầng lớp lao động chân tay trong xã hội.

2.3. Một số cách dạy từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Anh

Sự khác biệt về ý nghĩa của màu sắc trong các ngôn ngữ và nền văn hóa khác nhau đã bắt nguồn từ việc dịch thuật. Tuy rằng ở một số tình huống ý nghĩa của màu sắc tương đương trong dịch thuật sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc giảng dạy tiếng Anh hơn là những trường hợp một màu được dùng làm tính từ trong tiếng Việt nhưng không biểu thị ý nghĩa tương đồng trong tiếng Anh, ngược lại một màu được dùng làm tính từ trong tiếng Anh lại không được biểu thị ý nghĩa tương đồng như trong tiếng Việt. Thế nhưng, suy cho đến cùng thì việc dạy tiếng Anh trong trường hợp cùng biểu thị ý nghĩa tương đồng như trong tiếng Việt cũng có những khó khăn riêng của nó. Thứ nhất, sự kết hợp của các từ trong ngữ là khác nhau chứ không phải đồng nhất hoàn toàn. Thứ hai, thứ tự cũng như số từ cũng không hẳn là giống nhau. Chính những lý do đó, mà người học đôi khi nhầm lẫn, không thể nhớ được một cách chính xác các cụm từ trong tiếng Anh. Để khắc phục những khó khăn trên, tác giả đề xuất một số cách thức dạy từ có liên quan đến màu sắc như sau:

- Sử dụng các dụng cụ dạy học để đối chiếu, so sánh ý nghĩa của màu sắc giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt trong khi tổ chức hoạt động giảng dạy tại lớp học. Điều này có thể giúp người học ghi nhớ dễ dàng hơn. Chẳng hạn:

+ Trong tiếng Anh, “in the pink” để chỉ một người có sức khỏe và tinh thần tốt. Từ tương đương với từ này trong tiếng Việt là “hồng hào”.

+ Với tiếng Anh “red-blooded” dùng để mô tả một người tràn đầy sức mạnh và năng lượng ải dục thì tiếng Việt có từ tương đương là “đỏ da thâm thịt”,

+ Từ “green the ground the gills” trong tiếng Anh có nghĩa là trông có vẻ ốm yếu, bệnh tật.

Tiếng Việt có từ tương ứng là “xanh như tàu lá”.

+ Từ “white night” ở tiếng Anh có nghĩa là cả đêm không ngủ được; tiếng Việt có từ “trắng đêm”.

- *Sử dụng phong cách ngôn ngữ văn chương để giải thích những từ đồng nghĩa với từ vựng chỉ màu sắc trong tiếng Anh.* Mỗi một dân tộc với những bức tranh ý niệm khác nhau sẽ hình thành những bức tranh ngôn ngữ khác nhau. Và như thế, từ ngữ về màu sắc sẽ không nằm ngoài quy luật chung đó. Từ bao đời nay ca dao, tục ngữ, thơ ca được xem là quốc hồn quốc túy của người Việt. Do vậy, từ ngữ Việt cũng thể hiện khá đầy đủ trong từng án văn chương và đi sâu vào lòng mỗi người dân Việt. Nếu từ đây, chúng ta có thể tạo được cầu nối về tính tương đồng giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì rõ ràng là việc giảng dạy tiếng Anh sẽ trở nên hiệu quả hơn rất nhiều.

Lấy một trường hợp điển hình về sự biểu trưng cho tuổi thanh xuân, tiếng Anh có từ “green ages” trong khi trong ca dao người Việt có câu:

“Chim bay thả cánh trên trời

Tội gì bỏ quá một đời xuân xanh”

Người Anh dùng từ “blue” để thể hiện sự buồn bã, u uất và cũng tương tự như vậy trong bài thơ Thu của Xuân Diệu có câu:

“Buồn ở sông xanh nghe đã lại

Mơ hồ trong một tiếng chim qua”

Thông thường, sông xanh là hình ảnh êm đềm, thế nhưng dòng sông xanh, nước xanh ở đây lại là nguyên nhân chứa u buồn, là nơi vùi dập tuổi xuân của nàng ca nữ và cũng chính dòng sông xanh đã mang đến nỗi buồn cố hữu của nhà thơ. Như vậy, màu xanh ở đây thể hiện tâm trạng tuyệt vọng, đau khổ và u uất.

- *Chia lớp học thành 02 nhóm để thực hiện hoạt động đối đáp song ngữ.* Một nhóm đại diện cho người Việt và một nhóm đại diện cho người Anh. Nhóm đóng vai người Việt hỏi ý nghĩa của một từ có liên quan đến màu sắc trong tiếng Việt, nhóm đóng vai người Anh giải thích ý nghĩa của từ vừa nghe bằng tiếng Anh và ngược lại. Ví dụ:

Nhóm người Việt	Nhóm người Anh
Đỏ như gấc	be/go/turn as red as a beetroot
Ngượng đỏ mặt	red in the face
Cờ đỏ (dấu hiệu có vấn đề)	red flag
Bàn tay nhuộm máu	red handed
Non nớt như búp xanh trên cành	green
Nhìn đời qua cặp kính màu hồng	to look through rose-colored glasses
Màn bạc	silver screen
Buồn, chán nản	have the blues
Sổ đen	black list
Tối đen như mực	pitch-black
Vết đen	black mark
Đổi trắng thay đen	make white black
Kinh doanh đen (chui)	black economy
Trắng bệch vì bệnh	as white as a ghost
Cái chết trắng	white death
Ăn trắng mặt trơn	white tie

- Đưa ra những dạng câu hỏi tìm từ thích hợp với ngữ cảnh hoặc từ đồng nghĩa. Trong phần này, giảng viên thiết kế một số câu hỏi dưới dạng tìm các từ chỉ màu sắc thích hợp để điền vào chỗ trống hoặc tìm các từ đồng nghĩa với một từ cho trước. Thông qua hoạt động đó, người học có cơ hội trải nghiệm, ghi nhớ các từ được học tương ứng với từng ngữ cảnh, tình huống cụ thể. Dưới đây là một số dạng câu điển hình:

1. You look as ____ as a sheet. What's happen?

a) black

b) white

c) blue

d) yellow

2. Dan went over to his brother's house and saw a hamper overflowing with dirty laundry. There were shirts lying on the ground and in general, the place looked messy. So Dan told his brother: “You should keep this place tidier, don't you think? It's a mess in here!” His brother agreed, but he also pointed out: “This is a case of _____, because your place isn't exactly spotless either.

a) the pot calls the black kettle

b) white hand

- c) black day
d) make white black
3. Antoine left his wife ____ about their honeymoon destination until they got to the airport.
a) in the sun
b) in the dark
c) in the light
d) in the night
4. When relatives come to town my grandmother rolls out the ____ carpet.
a) yellow
b) pink
c) blue
d) red
5. Keiko hasn't worked a day in her life. She was born with a ____ spoon in her mouth.
a) red
b) black
c) white
d) silver
6. I argued with my supervisor until I was (very angry)
a) black in the face
b) white in the face
c) blue in the face
d) red in the face
7. John is ____ because he doesn't steal anything in that room.
a) white-handed
b) red hand
c) black hand
d) blue hand
8. She is a bad person. She always ____ to get rid of her fault.
a) makes white black
b) makes blue black
c) makes red white
d) makes blue red
9. A "sleepless night" can be understood as a:
a) black night
b) white night
c) blue night
d) yellow night

10. The connotation of "black prince" is associated with:

- a) African prince
b) Satan
c) Zorro
d) Batman

- Yêu cầu dịch những câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Giảng viên xây dựng các câu cần dịch dựa trên sự tương đồng về từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Anh và tiếng Việt để người học có thể dễ dàng học từ mới theo sự giải thích có tính liên tưởng cá nhân thông qua những nét chung giữa hai ngôn ngữ. Ví dụ: "Nessie appears once in blue moon in the Loch Ness" trong câu này chúng ta bắt gặp thành ngữ "once in blue moon", blue là màu xanh dương tượng trưng cho sự mệnh mông, bao la; once là một lần. Vậy nên "once in the blue moon" có nghĩa là một lần trong bao la, tức là hiếm khi. Do đó, câu này có thể dịch là "Quái vật hiếm khi xuất hiện ở hồ Loch Ness". Một ví dụ khác, "The piece of jade is a white crow", white là màu trắng tượng trưng cho sự thiêng liêng, tinh khiết, thần thánh. Thông thường thì quạ sẽ có màu đen nên "white crow" chính là một điều kỳ lạ mang ý nghĩa tích cực. Do vậy, câu "The piece of jade is a white crow" có thể dịch là "Ngọc bích rất quý hiếm".

III. KẾT LUẬN

Ý nghĩa cơ bản của màu sắc đã được thể hiện trong tất cả các nền văn hóa. Thông qua sự giao tiếp giữa các nền văn hóa chúng ta có thể tìm được tính tương đồng về ý nghĩa màu sắc giữa các nền văn hóa khác nhau từ đó tạo nên sự liên đới trong việc học ngôn ngữ, cụ thể là việc dạy tiếng Anh cho người Việt. Bài viết không chỉ trình bày ý nghĩa của màu sắc mà còn cung cấp cái nhìn tương đồng trong việc sử dụng ngôn ngữ về màu sắc giữa tiếng Anh và tiếng Việt từ đó đưa ra các cách thức dạy từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Anh mang tính liên tưởng để mở ra một cơ hội giúp giảng viên đạt hiệu quả cao trong giảng dạy ngôn ngữ cũng như kích thích sự đam mê học tiếng Anh của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alexander, H.B. (1953), *The World's Rim: Great Mysteries of the North American Indians*. Lincoln: University of Nebraska Press.
- [2]. Benson, J. L. (2000). *Greek color theory and the four elements*. Amherst, Massachusetts: University of Massachusetts Amherst Libraries.
- [3]. Biedermann, H. (1994), *Dictionary of Symbolism*. New York: Plume.
- [4]. Fontana, D. (1994), *The Secret Language of Symbols*. San Francisco: Chronicle Books
- [5]. Franklin, A. (2002), *The Illustrated Encyclopedia of Fairies*. London: Paper Tiger.
- [6]. Kenner, T. A. (2006), *Symbols and Their Hidden Meanings*. London: Carlton Books.
- [7]. O'Connor, M. and Airey, R. (2007), *Symbols, Signs and Visual Codes*. London: Southwater.